

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 01

Tổ: 001

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 28/06/2023 Số SV có mặt: 28

Ngày thi: 26/06/2023 Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 09:45

Số bài thi: 28

Giờ thi: 07:30

Số bài thi: 28

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 28

Phòng thi: B202

Số tờ giấy thi: 28

Mã nhận dạng: 003823

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan Văn Thúc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Văn Loan</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Lo Thái</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Phan Văn Thúc</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Trần Văn Hùng</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Văn Châu</i>
--	--	---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180120	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	16/03/2004	CCQ2218LA	347	<i>61</i>	41	51	82	63			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122190041	VÕ THỊ LINH	05/10/2004	CCQ2219LA	249	<i>77</i>	85	81	8.8	84			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122180106	LÊ MINH DUY	18/10/2004	CCQ2218LA					00				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122190122	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	26/01/2004	CCQ2219LA	142	<i>96</i>	89	93	93	93			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122180108	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	16/12/2003	CCQ2218LA	115	<i>86</i>	40	63	52	59			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122190152	TRƯƠNG NGUYỄN HƯƠNG GIANG	21/03/2004	CCQ2219LA	347	<i>94</i>	89	92	96	94			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122180087	NGUYỄN VŨ HÀ	08/02/2004	CCQ2218LA	347	<i>61</i>	58	60	69	64			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122190118	HUỲNH VŨ NGỌC HÂN	26/04/2004	CCQ2219LA	142	<i>96</i>	86	91	78	86			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122180112	NGUYỄN HỮU HỘI	16/10/2003	CCQ2218LA	249	<i>87</i>	05	46	65	54			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122180121	NGUYỄN ĐÌNH LAI	14/02/2004	CCQ2218LA	445	<i>91</i>	84	88	92	90			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122190129	NGUYỄN TRƯƠNG PHƯƠNG LÂM	16/01/1999	CCQ2219LA	249	<i>99</i>	92	96	96	96			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122190112	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	28/08/2004	CCQ2219LA	445	<i>75</i>	53	64	73	68			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122180105	HỒNG TUẤN LỘC	01/05/2004	CCQ2218LA	142	<i>60</i>	51	56	80	66			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122180110	LÊ THANH LUẬN	23/08/2004	CCQ2218LA					00				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122100313	TRẦN HOÀN MỸ	04/09/2004	CCQ2210LA					00				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122180050	VŨ BẮC TRUNG NAM	03/05/2004	CCQ2218LA	347	<i>54</i>	50	52	70	59			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122190076	NGUYỄN KHÁNH NGUYỄN	10/07/2002	CCQ2219LA	249	<i>86</i>	87	87	86	87			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122100376	PHẠM THỊ KIỀU OANH	26/04/2003	CCQ2210LA	445	<i>85</i>	90	88	92	90			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122100297	LÊ PHAN TIỂU PHỤNG	18/05/2004	CCQ2210LA	249	<i>71</i>	1.0	41	70	53			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122180109	ĐÌNH HUY PHƯỚC	10/03/2003	CCQ2218LA	445	<i>64</i>	33	49	56	52			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Mã nhận dạng: 003823

Trang : 2/2

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 01

Tổ: 001

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 28/06/2023 Số SV có mặt: 28 Ngày thi: 26/06/2023 Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 09:45 Số bài thi: 28 Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 28

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi: 28 Phòng thi: B202 Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Phan Văn</i> <i>Nguyễn Trâm</i> <i>Thục</i>	<i>Nguyễn Trâm</i> <i>Thục</i>	<i>Phan Văn</i> <i>Thục</i>	<i>Phan Văn</i> <i>Thục</i>	<i>Phan Văn</i> <i>Thục</i>	<i>Phan Văn</i> <i>Thục</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122190114	LÊ THÚY NHƯ QUỲNH	21/08/2004	CCQ2219LA	210	<i>Thục</i>	85	<i>Thục</i>	84	85	92	88	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122100300	NGUYỄN TRƯƠNG TRÚC QUỲNH	21/11/2004	CCQ2210LA	445	<i>Thục</i>	74	<i>Thục</i>	84	79	86	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122100295	NGUYỄN THỊ KIỀU THANH	24/04/2004	CCQ2210LA	344	<i>Thục</i>	93	<i>Thục</i>	93	93	94	93	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122100001	PHẠM THỊ THỦY	20/04/2000	CCQ2210LA	142	<i>Thục</i>	78	<i>Thục</i>	93	86	92	88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122100296	NGUYỄN LÊ ANH THƯ	28/01/2004	CCQ2210LA	445	<i>Thục</i>	66	<i>Thục</i>	80	73	78	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122190086	TRẦN THANH THƯƠNG	02/09/2004	CCQ2219LA	249	<i>Thục</i>	91	<i>Thục</i>	91	91	95	93	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122100377	TRẦN THỊ BÍCH TUYỀN	08/07/2003	CCQ2210LA	142	<i>Thục</i>	58	<i>Thục</i>	71	65	89	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122180104	NGUYỄN NGỌC TƯ	27/11/2003	CCQ2218LA	267	<i>Thục</i>	44	<i>Thục</i>	0	22	55	35	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122100298	NGUYỄN MỸ UYÊN	24/08/2004	CCQ2210LA	142	<i>Thục</i>	97	<i>Thục</i>	94	96	97	96	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122100299	HỒ HOÀNG THẢO VÂN	13/09/2004	CCQ2210LA	347	<i>Thục</i>	91	<i>Thục</i>	84	88	79	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122190127	DOANH THỊ HẢI YẾN	24/12/2001	CCQ2219LA	142	<i>Thục</i>	78	<i>Thục</i>	74	76	79	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLDT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 03** Tổ: **001**

- Thi Viết: - Thi Văn đáp:

Ngày thi: **28/06/2023** Số SV có mặt: **30** Ngày thi: **26/06/2023** Số SV có mặt: **30**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....30** Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **.....30**

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi: **30** Phòng thi: **B203** Số tờ giấy thi: **30**

Mã nhận dạng: 003825

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>
--	--	---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120427	ĐỖ THỊ MỸ DUYÊN	20/10/2004	CCQ2212LA	445	<i>[Signature]</i> 68	<i>[Signature]</i> 69	69	79	73	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2122200170	NGUYỄN LAN ÁNH DƯƠNG	11/05/2004	CCQ2220LA	142	<i>[Signature]</i> 91	<i>[Signature]</i> 70	81	10.0	89	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2122200168	TRƯƠNG QUỐC ĐAN	05/09/2002	CCQ2220LA	269	<i>[Signature]</i> 40		00	66	26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2122200165	HỒ TRƯƠNG PHƯỚC ĐIỀN	24/11/2004	CCQ2220LA	347	<i>[Signature]</i> 51	<i>[Signature]</i> 30	41	59	48	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2122120432	HOÀNG MINH ĐỨC	07/11/2003	CCQ2212LA	445	<i>[Signature]</i> 90	<i>[Signature]</i> 76	83	89	85	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2122260122	NGUYỄN LÊ HÀ GIANG	19/12/2004	CCQ2212LA	142	<i>[Signature]</i> 91	<i>[Signature]</i> 75	83	84	83	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2122120439	NGUYỄN VĂN GIÁP	28/07/2004	CCQ2212LA	269	<i>[Signature]</i> 60	<i>[Signature]</i> 29	45	78	58	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2122120438	NÔNG QUANG HẠNH	19/07/2002	CCQ2212LA	347	<i>[Signature]</i> 45	<i>[Signature]</i> 69	57	76	65	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2122120430	LÊ VĂN HÙNG	21/09/2004	CCQ2212LA	445	<i>[Signature]</i> 39	<i>[Signature]</i> 07	23	53	35	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2122200166	NGÔ QUANG HUY	05/09/2004	CCQ2220LA	142	<i>[Signature]</i> 89	<i>[Signature]</i> 61	72	68	70	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2122120428	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	13/07/2004	CCQ2212LA	249	<i>[Signature]</i> 41	<i>[Signature]</i> 45	43	52	47	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2122120555	BIỆN TRẦN KHÁNH LINH	09/04/2004	CCQ2212LA	347	<i>[Signature]</i> 79	<i>[Signature]</i> 65	72	64	69	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2122120556	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG LINH	03/01/2004	CCQ2212LA	445	<i>[Signature]</i> 97	<i>[Signature]</i> 74	86	89	87	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2122270031	THẠCH THẢO MY	09/09/2004	CCQ2212LA	142	<i>[Signature]</i> 53	<i>[Signature]</i> 43	48	60	53	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2122120434	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	15/06/2004	CCQ2212LA	249	<i>[Signature]</i> 59	<i>[Signature]</i> 68	61	90	74	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2122120543	ĐẶNG THỊ MINH NGUYỆT	28/02/2004	CCQ2212LA	347	<i>[Signature]</i> 89	<i>[Signature]</i> 77	83	85	84	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2122200097	ĐỖ THỊ YẾN NHI	09/03/2004	CCQ2220LA	445	<i>[Signature]</i> 40	<i>[Signature]</i> 59	50	75	60	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2122120436	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	26/05/2004	CCQ2212LA	142	<i>[Signature]</i> 86	<i>[Signature]</i> 75	81	87	83	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2122120477	TRẦN QUỲNH NHƯ	08/06/2004	CCQ2212LA	249	<i>[Signature]</i> 59	<i>[Signature]</i> 32	46	78	59	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2122200225	VÕ SONG NHƯ	26/11/2004	CCQ2220LA	347	<i>[Signature]</i> 99	<i>[Signature]</i> 76	88	10.0	93	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 03**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **28/06/2023** Số SV có mặt: **30** Ngày thi: **26/06/2023** Số SV có mặt: **30**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **30** Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **30**

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi: **30** Phòng thi: **B203** Số tờ giấy thi: **30**

Mã nhận dạng: 003825

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200167	VÕ THỊ UYÊN PHƯƠNG	28/11/2004	CCQ2220LA	445	<i>[Signature]</i> 96	<i>[Signature]</i> 72	84	65	76	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122200169	TRẦN LÊ ĐIỂM	07/09/2004	CCQ2220LA	142	<i>[Signature]</i> 96	<i>[Signature]</i> 77	87	100	92	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122120433	LỘC THANH	09/07/2001	CCQ2212LA	249	<i>[Signature]</i> 40	<i>[Signature]</i> 85	63	62	63	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122120554	TRỊNH VĂN THÀNH	25/03/2004	CCQ2212LA	347	<i>[Signature]</i> 71	<i>[Signature]</i> 71	71	82	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122120437	VŨ THỊ HOÀI THU	06/03/2004	CCQ2212LA	445	<i>[Signature]</i> 67	<i>[Signature]</i> 49	58	67	62	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2122200163	DƯƠNG NGUYỄN HUYỀN TRANG	20/07/2003	CCQ2220LA	142	<i>[Signature]</i> 79	<i>[Signature]</i> 68	74	69	72	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2122120124	VŨ THỊ HOÀNG TRANG	17/10/2004	CCQ2212LA	249	<i>[Signature]</i> 61	<i>[Signature]</i> 22	42	66	52	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2122120431	NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	25/01/2004	CCQ2212LA	347	<i>[Signature]</i> 86	<i>[Signature]</i> 69	78	64	72	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2122120429	TRỊNH PHƯỚC VĨ	29/03/2004	CCQ2212LA	445	<i>[Signature]</i> 67	<i>[Signature]</i> 32	50	72	59	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2122120426	NGUYỄN THỊ THÚY VY	04/07/2004	CCQ2212LA	142	<i>[Signature]</i> 39	<i>[Signature]</i> 38	39	77	54	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 05

Tổ: 001

- Thi Viết:

Ngày thi: 28/06/2022 Số SV có mặt: 27

Giờ thi: 09:45 Số bài thi: 2

Phòng thi: A301 Số tờ giấy thi: 2

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/06/2022 Số SV có mặt: 27

Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 2

Phòng thi: B204 Số tờ giấy thi: 2

Mã nhận dạng: 003827

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Thị Thanh</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Thanh</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Thanh</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Thanh</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Thị Thanh</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Thị Thanh</i>
---	---	--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số từ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170793	PHAN THANH BÌNH	01/05/2004	CCQ2217LB	249	Bình 60	Bình 24	42	8.4	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122170818	LÊ HỮU CHINH	18/02/2004	CCQ2217LB	247	Chinh 79	Chinh 63	71	7.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122170797	PHAN THÀNH DANH	19/12/2004	CCQ2217LB	249	Phanh 47	Phanh 22	35	7.7	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122170790	NGUYỄN DUY	10/07/2003	CCQ2217LB	347	Duy 22	Duy 61	4.2	6.2	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122170833	NGUYỄN HOÀNG BẢO DUY	10/09/2004	CCQ2217LB	249	B. 67	B. 81	7.4	8.7	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122170850	NGUYỄN KHÁNH DUY	06/05/2003	CCQ2217LB					0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122170789	PHAN NGUYỄN ĐĂNG DUY	10/01/2004	CCQ2217LB					0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122170780	LÊ XUÂN ĐẠT	30/07/2004	CCQ2217LB	347	Đạt 69	Đạt 63	6.6	8.4	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122170786	NGUYỄN HÀ THÀNH ĐẠT	03/02/2004	CCQ2217LB	249	Đạt 94	Đạt 92	9.3	9.3	9.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122170823	PHẠM VĂN ĐẠT	12/11/2004	CCQ2217LB					0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122170771	NGUYỄN DƯƠNG MINH ĐĂNG	26/08/2004	CCQ2217LB	142	Đ. 47	Đ. 35	4.1	8.9	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122170762	QUÁCH ĐÌNH ĐỘ	26/05/2004	CCQ2217LB	445	Đ. 42	Đ. 30	3.6	7.3	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122170772	TRẦN PHI HẢI	29/02/2004	CCQ2217LB	142	Hải 75	Hải 28	5.2	7.3	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122170853	HÀ ĐỨC HÀO	11/01/2002	CCQ2217LB	445	Hào 95	Hào 78	8.7	9.2	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122170792	PHAN ANH HÀO	26/11/2004	CCQ2217LB	142	Hào 77	Hào 45	6.1	7.2	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122170779	PHẠM TẤN HẬU	11/07/2004	CCQ2217LB	445	H. 63	H. 78	7.1	8.3	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122170777	PHẠM HOÀNG HIỆP	07/03/2004	CCQ2217LB					0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122170784	PHẠM QUANG HIẾU	17/04/2004	CCQ2217LB	445	Hiếu 42	Hiếu 78	6.0	8.4	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122170821	NGUYỄN MINH HOÀNG	04/01/2004	CCQ2217LB	142	H. 45	H. 52	4.9	8.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122120358	LÊ PHÚC GIA HUY	11/07/2004	CCQ2217LB					0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 05**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **28/06/2023** Số SV có mặt: **27** Ngày thi: **26/06/2023** Số SV có mặt: **27**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **27** Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **27**

Phòng thi: **A301** Số tờ giấy thi: **27** Phòng thi: **B204** Số tờ giấy thi: **27**

Mã nhận dạng: **003827**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>TC</i>	<i>Ngô Thị Thanh</i>	<i>Nguyễn Thị Thanh</i>	<i>Nguyễn Thị Thanh</i>	<i>Nguyễn Thị Thanh</i>	<i>Nguyễn Thị Thanh</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122170849	NGUYỄN CÔNG HUY	12/01/2004	CCQ2217LB	347	<i>Hy</i>	72	<i>Hy</i>	85	7.9	8.2	8.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122170773	TRẦN QUANG HUY	10/10/2004	CCQ2217LB	347	<i>Hy</i>	72	<i>Hy</i>	85	7.9	8.2	8.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122170839	VŨ QUANG HUY	26/11/2004	CCQ2217LB	445	<i>Hy</i>	90	<i>Hy</i>	52	7.1	7.9	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122170776	NGUYỄN TUẤN KHÁI	11/01/2004	CCQ2217LB	347	<i>Hy</i>	88	<i>Hy</i>	64	7.6	8.9	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122170822	ĐỖ PHÚC KHANG	25/06/2004	CCQ2217LB	445	<i>Hy</i>	65	<i>Hy</i>	10	3.8	7.4	5.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122170775	NGUYỄN DUY KHANG	20/12/2004	CCQ2217LB	---	---	---	---	---	---	---	---	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122170795	NGUYỄN CAO KỲ KHÔI	11/05/2004	CCQ2217LB	445	<i>Hy</i>	67	<i>Hy</i>	20	4.4	8.2	5.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122170851	CAO TRUNG KIẾN	20/04/2004	CCQ2217LB	442	<i>Hy</i>	57	<i>Hy</i>	57	5.7	8.0	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122170767	BÙI CAO BẢO LÂM	21/07/2004	CCQ2217LB	249	<i>Hy</i>	51	<i>Hy</i>	82	6.7	8.9	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122170820	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG LỊCH	23/07/2004	CCQ2217LB	---	---	---	---	---	---	---	---	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122170766	NGUYỄN TRỌNG LỘC	14/03/2004	CCQ2217LB	442	<i>Hy</i>	73	<i>Hy</i>	90	8.2	8.9	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122170845	NGUYỄN HỒ PHÚC LỢI	02/07/2004	CCQ2217LB	249	<i>Hy</i>	53	<i>Hy</i>	70	6.2	8.1	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122170785	DƯƠNG HỮU HẢI NAM	10/05/2004	CCQ2217LB	---	---	---	---	---	---	---	---	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122170796	HUỖNH HỮU NGHĨA	21/04/2004	CCQ2217LB	249	<i>Hy</i>	53	<i>Hy</i>	47	5.0	8.5	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2122170817	VÕ THÀNH NHÂN	01/10/2003	CCQ2217LB	442	<i>Hy</i>	78	<i>Hy</i>	95	8.6	9.0	8.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2122170761	NGUYỄN TRẦN ĐỨC NHẬT	28/12/2004	CCQ2217LB	249	<i>Hy</i>	57	<i>Hy</i>	52	5.5	8.6	6.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2122170843	DƯƠNG LÊ PHONG	20/01/2004	CCQ2217LB	---	---	---	---	---	---	---	---	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 07

Tổ: 001

- Thi Viết:

Ngày thi: 28/06/2022; Số SV có mặt: 32

Giờ thi: 09:45; Số bài thi: 32

Phòng thi: D7-40; Số tờ giấy thi: 32

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/06/2022; Số SV có mặt: 32

Giờ thi: 07:30

Phòng thi: B205

Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: 003829

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>
--	--	---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122200025	NGUYỄN THỊ DIỆU BẮNG	25/04/2004	CCQ2220A	347	<i>[Signature]</i>	72	<i>[Signature]</i>	70	71	77	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122200006	HUỖNH BẢO CHÂU	11/03/2004	CCQ2220A	445	<i>[Signature]</i>	64	<i>[Signature]</i>	57	61	90	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122200067	NGUYỄN HỮU CHIẾN	27/10/2004	CCQ2220B	142	<i>[Signature]</i>	57	<i>[Signature]</i>	66	62	71	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122200068	BÙI ĐỨC DŨNG	02/01/2004	CCQ2220B	249	<i>[Signature]</i>	73	<i>[Signature]</i>	51	62	79	69	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122200017	LÊ THỊ NGỌC DUYÊN	21/05/2004	CCQ2220A	347	<i>[Signature]</i>	44	<i>[Signature]</i>	0	22	88	48	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122200058	ĐOÀN THỊ THÙY DƯƠNG	30/10/2002	CCQ2220B	445	<i>[Signature]</i>	83	<i>[Signature]</i>	72	78	91	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122200059	NGUYỄN THỊ MỸ ĐÀO	13/07/2004	CCQ2220B	142	<i>[Signature]</i>	71	<i>[Signature]</i>	59	65	91	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122200023	ĐỖ THỊ THU HẰNG	01/05/2004	CCQ2220A	445	<i>[Signature]</i>	59	<i>[Signature]</i>	51	55	85	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122260128	HUỖNH THỊ NGỌC HÂN	06/07/2004	CCQ2226C	347	<i>[Signature]</i>	61	<i>[Signature]</i>	55	58	72	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122200054	TRẦN NGỌC HOÀNG	15/03/2004	CCQ2220B						0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120090010	NGUYỄN MINH KHÔI	16/12/2002	CCQ2009A						0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122200007	NGUYỄN THỊ HOÀI LAM	03/11/2004	CCQ2220A	445	<i>[Signature]</i>	74	<i>[Signature]</i>	36	55	72	62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122200142	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	03/03/2004	CCQ2220E	347	<i>[Signature]</i>	45	<i>[Signature]</i>	50	48	96	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122200004	HÀ THỊ TRÚC LY	30/05/2003	CCQ2220A	249	<i>[Signature]</i>	89	<i>[Signature]</i>	82	86	93	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122270029	NGUYỄN GIA MÃN	05/05/2004	CCQ2227A	142	<i>[Signature]</i>	54	<i>[Signature]</i>	52	53	75	62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122200005	TRẦN THỊ NHÀN	12/01/2003	CCQ2220A	249	<i>[Signature]</i>	78	<i>[Signature]</i>	89	84	91	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122200016	LÊ NGUYỄN UYÊN NHI	31/10/2004	CCQ2220A	347	<i>[Signature]</i>	66	<i>[Signature]</i>	37	52	69	59	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122200050	TRƯƠNG Ý NHƯ	01/07/2004	CCQ2220B	445	<i>[Signature]</i>	80	<i>[Signature]</i>	78	79	84	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122200045	TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG	28/09/2004	CCQ2220B	142	<i>[Signature]</i>	72	<i>[Signature]</i>	53	63	71	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122270084	NGUYỄN THỊ MỸ QUYÊN	29/08/2004	CCQ2227C	249	<i>[Signature]</i>	47	<i>[Signature]</i>	94	71	77	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 003829

Trang : 2/2

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 07**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **28/06/2023** Số SV có mặt: **32**

Ngày thi: **26/06/2023** Số SV có mặt: **32**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **32**

Giờ thi: **07:30**

Số bài thi: **32**

Phòng thi: **D7-40**

Số tờ giấy thi: **32**

Phòng thi: **B205**

Số tờ giấy thi: **32**

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>
--	--	---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số từ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122270136	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG QUỲNH	02/03/2004	CCQ2227D	347	76	17	47	62	53	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122270086	CHÂU VÕ NHẬT TÂN	13/01/2004	CCQ2227C	249	89	95	92	95	93	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122200008	TRẦN THỊ LÊ	17/01/2004	CCQ2220A	142	86	64	75	88	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122200051	LÊ THỊ MỸ THI	17/06/2004	CCQ2220B	445	91	89	90	94	92	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122200064	NGUYỄN THỊ THANH THÌ	05/09/2004	CCQ2220B	347	75	55	65	73	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122200060	NGUYỄN THỊ KIM THOA	05/03/2004	CCQ2220B	249	62	55	59	75	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122200043	PHAN ANH THƯ	23/04/2004	CCQ2220B	142	53	74	64	71	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122270101	ĐỒNG THỊ CẨM TIỀN	02/05/2004	CCQ2227D							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122200040	NGUYỄN THƯ TÌNH	01/02/2004	CCQ2220B	347	90	89	90	89	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122200057	TRẦN TRƯỜNG ĐOAN TRANG	18/08/2004	CCQ2220B	445	63	63	63	92	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122200047	CHÂU NGỌC TRINH	05/02/2003	CCQ2220B	142	77	90	84	96	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122270072	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	12/05/2004	CCQ2227C	349	73	72	73	82	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122260103	LÊ THỊ HỒNG VÂN	17/03/2004	CCQ2226D	347	89	12	51	78	62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122270120	NGUYỄN THỊ THU VÂN	19/09/2004	CCQ2227D	445	90	79	85	94	89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122200196	TRẦN NGUYỄN THUỖ VY	06/08/2004	CCQ2220B	142	93	66	80	56	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 09**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **28/06/2023** Số SV có mặt: **12**

Ngày thi: **26/06/2023** Số SV có mặt: **12**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **12**

Giờ thi: **07:30**

Số bài thi: **12**

Phòng thi: **A304**

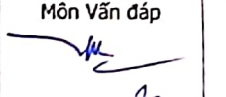
Số tờ giấy thi: **12**

Phòng thi: **B206**

Số tờ giấy thi: **12**

Mã nhận dạng: **003831**

Trang : 1/1

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Văn Trọng	Cán bộ coi thi 2  Võ T. Quốc Anh	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết  Hồ TT Thuý	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết  Lê Thị Lệ	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp  Cao Minh Thuận	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp  Hoàng Linh Tiên
--	---	--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122200154	NGUYỄN NGUYỄN AN	06/03/2004	CCQ2220E	347	An 7.3	An 6.9	7.1	6.5	6.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2122200204	NGUYỄN KIM ĐỒNG	31/08/2004	CCQ2220E	445	Đồng 6.3	Đồng 6.9	6.6	6.5	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2122200230	PHAN NHƯ HỘI	11/12/2004	CCQ2220G	445	Hội 8.9	Hội 8.5	8.7	6.5	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2122200226	NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG	18/10/2004	CCQ2220G	142	Hồng 7.9	Hồng 9.2	8.6	7.3	8.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2122200210	THÁI GIA HUY	18/05/2004	CCQ2220E	249	Huy 9.8	Huy 9.1	9.5	9.4	9.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2122200159	HỒ KIM LỘC	20/12/2003	CCQ2220E				0.0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2122200152	HUỖNH KHẮC PHÚ	11/03/2004	CCQ2220E	142	Phú 6.8	Phú 5.3	6.1	6.0	6.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2122200195	VŨ THỊ PHƯƠNG	18/02/2004	CCQ2220G	347	Phương 7.9	Phương 7.2	7.6	7.7	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2122200155	NGUYỄN TẤN SĨ	10/12/2004	CCQ2220E	949	Sĩ 8.1	Sĩ 9.0	8.6	6.5	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2122200211	TRẦN THỊ ỨT	13/11/2004	CCQ2220E				0.0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2122200134	LÊ THỊ THU THƯỜNG	28/04/2004	CCQ2220D	142	Thu 9.4	Thu 9.0	9.2	8.5	8.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2122200065	LÊ ĐÀO XUÂN TIÊN	12/02/2002	CCQ2220G	445	Xuân 7.5	Xuân 8.9	8.2	7.7	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2122200156	NGUYỄN TẤN TIẾN	10/12/2004	CCQ2220E	347	Tiến 7.5	Tiến 8.9	8.2	7.7	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2122200227	ĐOÀN THỊ MỸ VIÊN	14/06/2004	CCQ2220G	249	Mỹ 8.8	Mỹ 7.3	8.1	7.7	7.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 10

Tổ: 001

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 28/06/2023 Số SV có mặt: 12 Ngày thi: 26/06/2023 Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 09:45 Số bài thi: 12 Giờ thi: 09:45 Số bài thi: 12

Phòng thi: A201 Số tờ giấy thi: 12 Phòng thi: D7-38 Số tờ giấy thi: 12

Mã nhận dạng: 003833

Trang : 1/3

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Quang Sơn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Quang Sơn</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Huyền</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Huyền</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Trần Thị Huyền</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Trần Thị Huyền</i>
---	---	--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122260014	CHÂU VĨNH AN	10/06/2004	CCQ2226A	249	<i>Châu</i>	6.3	<i>Châu</i>	40	52	7.5	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122260024	NGUYỄN QUỐC ANH	14/12/2004	CCQ2226A	347	<i>Anh</i>	7.6	<i>Anh</i>	76	76	9.3	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122260062	HOÀNG THỊ NGỌC	15/03/2004	CCQ2226B	445	<i>Ngọc</i>	5.9	<i>Ngọc</i>	84	72	7.7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122270045	TRỊNH THỊ KIM	20/07/2004	CCQ2227B									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122260039	LÝ NGHIỆP CHUNG	19/06/2004	CCQ2226B	249	<i>Châu</i>	5.3	<i>Châu</i>	40	47	8.3	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122260006	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	22/10/2004	CCQ2226A	347	<i>Anh</i>	7.6	<i>Anh</i>	85	81	9.1	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122260030	NGÔ LÊ	13/02/2004	CCQ2226A									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122260004	NGÔ THỊ TRÀ	25/12/2004	CCQ2226A									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122260067	MAI HỒNG	19/11/2004	CCQ2226B									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122260065	TRẦN THỊ KIM	19/07/2004	CCQ2226B									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122260256	PHAN ĐỨC HUY	21/12/2003	CCQ2226B	445	<i>Huy</i>	7.6	<i>Huy</i>	83	80	6.8	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122260058	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	02/04/2004	CCQ2226B	347	<i>Huy</i>	7.0	<i>Huy</i>	54	62	8.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122260027	VÕ THÀNH HƯNG	21/05/2004	CCQ2226A	249	<i>Huy</i>	6.8	<i>Huy</i>	44	56	8.4	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122260051	VĂNG THỊ HỒNG	13/10/2003	CCQ2226B	142	<i>Châu</i>	7.8	<i>Châu</i>	31	55	8.2	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122260038	HỒ NGỌC KIM	06/08/2004	CCQ2226B	445	<i>Châu</i>	82	<i>Châu</i>	72	77	8.7	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122260025	NGÔ QUANG LINH	25/06/2004	CCQ2226A	447	<i>Châu</i>	60	<i>Châu</i>	32	46	7.9	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122260037	PHAN THỊ NGỌC	11/04/2004	CCQ2226B	249	<i>Châu</i>	58	<i>Châu</i>	64	61	7.6	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122260146	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/09/2004	CCQ2226B	142	<i>Châu</i>	78	<i>Châu</i>	88	83	8.9	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122260061	VÕ TRÀ	26/10/2004	CCQ2226B									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122260012	ĐỖ HOÀI NAM	29/03/2003	CCQ2226A	445	<i>Châu</i>	59	<i>Châu</i>	58	59	6.7	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 10**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **28/06/2022** Số SV có mặt:

Ngày thi: **26/06/2022** Số SV có mặt:

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi:

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi:

Phòng thi: **A201**

Số tờ giấy thi:

Phòng thi: **D7-38**

Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: 003833

Trang : 2/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122260048	PHẠM THANH	NGÂN	13/01/2004	CCQ2226B		60		85	7.3	6.8	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122170520	LÊ THANH	NGHĨA	14/06/2004	CCQ2226A		54		60	5.7	9.1	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122260021	LƯƠNG THỊ MỸ	NGUYỄN	16/01/2004	CCQ2226A		75		86	8.1	8.8	8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122260052	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	30/11/2002	CCQ2226B		56		67	6.2	6.2	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122260032	TRƯƠNG YẾN	NHUNG	24/03/2004	CCQ2226A		55		82	6.9	6.9	6.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2122260008	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	21/03/2004	CCQ2226A		92		84	8.8	9.0	8.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2122260063	TRƯƠNG THỊ NGỌC	QUYÊN	07/09/2004	CCQ2226B		83		88	8.6	7.9	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2122200213	NGUYỄN TRÚC	QUYÊN	21/08/2004	CCQ2220F		85		85	8.5	8.6	8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2122260011	HỒ THỊ THANH	THẢO	03/03/2004	CCQ2226A		48		71	6.1	7.9	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2122260020	LÊ THỊ THU	THẢO	03/06/2004	CCQ2226A		68		51	6.0	8.6	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2122260053	NGUYỄN NGỌC THANH	THẢO	06/10/2004	CCQ2226B		86		90	8.8	8.9	8.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2122200214	NGUYỄN THỊ	THẢO	23/07/2003	CCQ2220F		76		69	7.3	7.3	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2122270017	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	18/01/2004	CCQ2226A		56		32	4.4	8.3	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	2122200236	VÕ THỊ YẾN	THU	06/01/2004	CCQ2220G		92		91	9.2	9.3	9.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	2122200193	HOÀNG THỊ YẾN	THƯ	23/10/2004	CCQ2220A		83		92	8.8	8.8	8.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	2122260145	ĐẶNG THỊ HỒNG	TIỀN	23/04/2004	CCQ2226B		82		84	8.3	8.5	8.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	2122260036	LÊ THỊ KIM	TIỀN	07/09/2004	CCQ2226B		60		55	5.8	7.0	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	2122260257	HỒ THỊ THU	TRANG	06/03/2004	CCQ2226F								(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	2122260055	ĐOÀN THỊ NGỌC	TRÂM	06/11/2004	CCQ2226B		74		79	7.7	8.5	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	2122260007	LÊ THỊ QUẾ	TRÂM	22/12/2004	CCQ2226A		44		39	4.2	8.2	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 10**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **28/06/2023** Số SV có mặt: **42**

Ngày thi: **26/06/2023** Số SV có mặt: **42**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **4.2**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **A201**

Số tờ giấy thi: **42**

Phòng thi: **D7-38**

Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **003833**

Trang : 3/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122200197	CAO THỊ THANH	TUYỀN	16/05/2004	CCQ2220B	142	6.7	142	6.7	90	7.9	8.4	8.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	2122260059	HÀ HOÀNG KIM	TUYỀN	09/08/2004	CCQ2226B	249	5.1	249	5.1	43	4.7	9.0	6.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	2122260001	HOÀNG THỊ THU	UYÊN	02/11/2003	CCQ2226A	347	9.8	347	9.8	9.8	9.8	9.8	9.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	2122260046	PHẠM THỊ TƯỜNG	VI	19/06/2004	CCQ2226B	445	5.9	445	5.9	50	5.5	8.4	6.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	2122260044	VÕ QUỐC	VƯƠNG	05/08/2004	CCQ2226B	142	7.7	142	7.7	67	7.2	8.0	7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	2122260002	CHU THỊ NGUYỆT	VY	02/04/2004	CCQ2226A	249	8.2	249	8.2	96	8.9	8.0	8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	2122260026	HUỖNH THỊ THÚY	VY	12/02/2004	CCQ2226A	347	7.8	347	7.8	84	8.1	8.6	8.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	2122200228	NGUYỄN ÁI	VY	14/06/2004	CCQ2220G	415	10	415	10	92	9.6	9.7	9.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	2122260016	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	07/07/2004	CCQ2226A	442	6.6	442	6.6	40	5.3	6.6	5.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 11**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **28/06/2023** Số SV có mặt: **22**

Ngày thi: **26/06/2023** Số SV có mặt: **22**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **22**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **22**

Phòng thi: **A302**

Số tờ giấy thi: **22**

Phòng thi: **D7-39**

Số tờ giấy thi: **22**

Mã nhận dạng: 003835

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122240049	LÊNG NGỌC BỘI	BỘI	06/06/2004	CCQ2220F	249	67	60	64	5.9	62			
2	2122260056	PHẠM NGỌC KIỀU	DIỄM	01/06/2004	CCQ2226B	142	78	70	74	7.7	75			
3	2122260042	CHÂU HUỖNH	GIANG	02/02/2004	CCQ2226E	249	7.1	73	72	8.3	76			
4	2122240051	NGUYỄN MỸ	HẠNH	02/08/2004	CCQ2220F	347	92	75	84	7.6	81			
5	2122200024	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HÀNG	14/10/2004	CCQ2220A	445	7.2	74	73	8.6	78			
6	2122110320	HUỖNH MINH	HIẾU	16/02/2004	CCQ2226C					0.0				
7	2122210105	NGUYỄN NHẬT	HOÀNG	15/06/2004	CCQ2226E					0.0				
8	2122200055	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	31/10/2004	CCQ2220B	242	6.1	58	60	8.8	71			
9	2122200209	HỒ NGỌC BẢO	LIÊU	06/03/2004	CCQ2220E	249	88	88	88	8.0	85			
10	2122200187	BÙI THỊ THỦY	LINH	09/09/2004	CCQ2220F	347	84	70	77	8.5	80			
11	2122200220	LÊ THỊ THỦY	LINH	05/11/2004	CCQ2220F	445	8.7	69	78	8.6	81			
12	2122200036	NGUYỄN THỊ MINH	LƯ	09/03/2004	CCQ2220B	142	7.0	75	73	7.5	74			
13	2122200063	HUỖNH THỊ QUỲNH	NGA	22/12/2004	CCQ2220B	347	3.8	07	23	5.5	36			
14	2122200183	ĐẶNG THỊ THỦY	NGÂN	06/11/2004	CCQ2220F	249	8.7	87	87	8.9	88			
15	2122200011	LÊ THỊ TUYẾT	NGÂN	16/02/2003	CCQ2220A	142	8.6	89	84	9.7	89			
16	2122200026	TRẦN THỊ ÁNH	NGUYỄN	26/09/2004	CCQ2220A	445	6.7	77	72	8.6	78			
17	2122200180	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	20/03/2004	CCQ2220F	347	7.6	87	82	7.6	79			
18	2122170277	NGUYỄN MINH	QUÂN	05/11/2003	CCQ2226D	249	56	63	60	6.7	63			
19	2122200020	LÊ MINH	THÀNH	27/04/2004	CCQ2220A	445	45	82	64	7.3	68			
20	2122260040	BÙI THỊ MỸ	TIÊM	07/06/2004	CCQ2226B					0.0				

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 11

Tổ: 001

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 28/06/2023 Số SV có mặt: 22

Ngày thi: 26/06/2023 Số SV có mặt:

Giờ thi: 09:45 Số bài thi:

Giờ thi: 09:45 Số bài thi:

Phòng thi: A302 Số tờ giấy thi: 22

Phòng thi: D7-39 Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: 003835

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Ng. Tâm Thich</i>	<i>Ng. X. Phos</i>	<i>Phan Thi Hoa</i>	<i>Phan Thi Hoa</i>	<i>Phan Thi Hoa</i>	<i>Loi Thi Hoa</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200048	NGUYỄN THỊ THỦY TIỀN	07/11/2003	CCQ2220B	142	<i>Tiền</i>	9.3	<i>Tiền</i>	8.4	8.9	9.5	9.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122260054	NGUYỄN THỊ CẨM Tú	07/05/2004	CCQ2226B	249	<i>Tu</i>	7.0	<i>Tu</i>	8.0	7.5	7.9	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122120234	LÊ THỊ LỆ VĂN	14/05/2004	CCQ2220A	347	<i>Văn</i>	6.7	<i>Văn</i>	7.6	7.2	8.3	7.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122200035	TRẦN THANH XUÂN	21/08/2003	CCQ2220B	445	<i>Xuân</i>	9.4	<i>Xuân</i>	8.7	9.1	9.2	9.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122100036	NGUYỄN PHI YẾN	23/01/2004	CCQ2220F	442	<i>Yến</i>	5.5	<i>Yến</i>	8.1	6.8	7.6	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

142

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLDT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 11**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **28/06/2023** Số SV có mặt: **18**

Ngày thi: **26/06/2023** Số SV có mặt: **18**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **18**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **18**

Phòng thi: **A205**

Số tờ giấy thi: **18**

Phòng thi: **D7-39**

Số tờ giấy thi: **18**

Mã nhận dạng: **003836**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Đào Thị Ngọc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Vũ T. Huân</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Thị Ngọc</i>
---	---------------------------------------	---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122260107	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	12/11/2002	CCQ2226E	347	<i>Đào</i>	8.0	<i>Đào</i>	9.0	8.5	7.8	8.2	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
2	2122260126	HUỖNH VĂN CHUNG	20/05/2004	CCQ2226C							0.0		<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
3	2122260132	ĐÀO TIẾN ANH	02/05/2004	CCQ2226D							0.0		<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
4	2122260079	LÊ THỊ THU HÀO	12/08/2004	CCQ2226C	445	<i>Hào</i>	5.8	<i>Hào</i>	7.5	6.7	8.8	7.5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
5	2122260112	HỒ DẠ HÀO	22/05/2004	CCQ2226D	142	<i>Hào</i>	6.0	<i>Hào</i>	8.9	7.5	8.1	7.2	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
6	2122260109	NGUYỄN THỊ HÂY	08/06/2004	CCQ2226D	249	<i>Hây</i>	7.9	<i>Hây</i>	7.5	7.7	8.3	7.9	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
7	2122260108	PHẠM KHÁNH HOÀNG	28/10/2004	CCQ2226D	347	<i>Hoàng</i>	6.2	<i>Hoàng</i>	8.2	7.2	5.5	6.5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
8	2122260100	NGUYỄN VIỆT HỘI	17/11/2004	CCQ2226D	445	<i>Hội</i>	8.1	<i>Hội</i>	9.2	8.7	8.3	8.5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
9	2122260113	NGUYỄN TRUNG KIẾN	12/01/2004	CCQ2226D							0.0		<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
10	2122260073	PHẠM THỊ LƯƠNG	25/07/2004	CCQ2226C							0.0		<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
11	2122260127	HỒ VĂN LƯƠNG	24/01/2004	CCQ2226C	142	<i>Lương</i>	7.1	<i>Lương</i>	7.1	7.1	9.2	7.9	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
12	2122260096	TRẦN THẢO NGÂN	16/09/2003	CCQ2226C	249	<i>Ngân</i>	6.3	<i>Ngân</i>	8.1	7.2	8.5	7.2	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
13	2121170056	NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN	30/04/2003	CCQ2117B	445	<i>Nguyễn</i>	1.6	<i>Nguyễn</i>	7.8	6.2	6.4	6.3	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
14	2122260068	TRƯƠNG THÚY NHÀN	20/05/2004	CCQ2226C	347	<i>Nhàn</i>	8.0	<i>Nhàn</i>	8.9	8.5	8.0	8.3	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
15	2122260083	VÕ YẾN NY	10/10/2004	CCQ2226C	445	<i>Yến</i>	6.4	<i>Yến</i>	7.9	7.2	7.7	7.4	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
16	2122260082	NGUYỄN DƯƠNG KIM PHỤNG	07/05/2004	CCQ2226C	142	<i>Phụng</i>	6.8	<i>Phụng</i>	6.4	6.6	8.3	7.3	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
17	2122260076	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	02/03/2004	CCQ2226C	249	<i>Phương</i>	5.1	<i>Phương</i>	6.7	5.9	7.7	6.6	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
18	2122260147	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	22/12/2004	CCQ2226C	142	<i>Phương</i>	5.8	<i>Phương</i>	4.8	5.3	8.1	6.4	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
19	2122260131	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	01/04/2004	CCQ2226D							0.0		<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
20	2122260099	NGUYỄN MINH THƠ	11/06/2002	CCQ2226C	445	<i>Thơ</i>	8.8	<i>Thơ</i>	8.8	8.8	8.1	8.5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 12/06/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 2 (224602) - Nhóm 11**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **28/06/2023** Số SV có mặt: **18**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **18**

Phòng thi: **A205**

Số tờ giấy thi: **18**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **26/06/2023** Số SV có mặt: **18**

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi: **18**

Phòng thi: **D7-39**

Số tờ giấy thi: **18**

Mã nhận dạng: **003836**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Frank</i> <i>T. Phan</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Vũ T. Hiền</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Nguyệt Hằng</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Phạm Tuấn</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Phạm Tuấn</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Le Văn Phat</i>
--	---------------------------------------	--	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122260098	SÂM THỊ THÚY	03/10/2004	CCQ2226C	347	Thủy	3.6	Thủy	65	51	7.3	60	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122270093	ĐẶNG THỊ HOÀI	28/05/2004	CCQ2226D							0.0		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122260089	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	22/06/2003	CCQ2226C							0.0		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122260072	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	08/03/2004	CCQ2226C	249	Trúc	5.4	Trúc	71	63	8.0	70	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122260133	NGUYỄN KHÁNH VĂN	11/06/2003	CCQ2226D	347	Khánh	0.8	Khánh	96	97	8.0	94	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi